

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 20-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Sơn

Ông Phan Hữu Trí

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 20 Tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo: P V H, sinh năm 1976 tại xã B T Đ, huyện P T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp B Q 1, xã B T Đ, huyện P T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Chạy xe mô tô khách; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L H P và bà N T Ú đã chết; Có vợ tên N T M H, sinh năm 1978 và 08 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Vào ngày 27 tháng 7 năm 2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Chấp hành xong án phạt vào ngày 07 tháng 01 năm 2007; Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Ông P V T, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp T N, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà N T M H, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 411, Tổ 01, ấp B Q 1, xã B T Đ, huyện P T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

khoảng 07 giờ ngày 15-01-2018, P V H điều khiển xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 chạy xe chở một người khách từ phà Năng Gù thuộc xã B M, huyện C P, tỉnh An Giang đến xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang khách xuống xe. H tiếp tục chạy xe đến thành phố L X tìm khách để chở thuê nhưng không có khách; H chạy xe về. Trên đường về H nảy sinh ý định tìm người đổi tiền chẵn qua tiền lẻ để chiếm đoạt tiền của người cho đổi tiền. Khoảng 09 giờ, H chạy xe đến bến đò N T thuộc ấp P H 2, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang qua đò chạy đến ấp T N, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang thì gặp ông P V T và anh N T N đang ngồi uống nước trên ghé đá cấp đường lộ tại quán giải khát của bà P T M. H xuống xe và hỏi ông T cho đổi qua tiền lẻ 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, ông T đồng ý cho H đổi. Ông T lấy tiền trong túi ra, H thấy có nhiều tiền nên nói với ông T cho H đổi qua tiền lẻ số tiền 5.000.000đ, ông T cũng đồng ý. Ông T đếm tiền mệnh giá 100.000đ mỗi tờ, được 3.000.000đ, ông T để trên ghé đá đang ngồi, ông T tiếp tục đếm tiền. Lúc này anh N đi ra khỏi quán, H quan sát thấy không có ai khác ngoài ông T đang đếm tiền, H lén lấy 2.400.000đ trong số tiền 3.000.000đ ông T để ở ghé đá bỏ vào túi quần của H, H giả vờ nghe điện thoại rồi chạy xe đi về đến khu vực bến đò ấp T H, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang. Sau khi H bỏ đi, ông T phát hiện bị mất số tiền 2.400.000đ và truy hô thì D A K là cháu ngoại ông T trong nhà đi ra thấy H chạy xe đi nên lấy xe chở ông T đuổi theo. Khi đến khu vực bên đò ấp T H, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang thì thấy xe của H đang đậu nhưng không thấy H. Lực lượng Công an xã B T đến và phát hiện H đang trốn tại gốc cây gạo dưới mé sông và bắt giữ H.

Ngày 14-3-2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố vụ án số 20 và khởi tố bị can số 10 đối với P V H, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 08.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo P V H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Bị hại ông P V T trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị N T M H trình bày: Xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H là tài sản chung của bị cáo H và chị, dùng để chở thuê, là phương tiện mưu sinh duy nhất nuôi sống 10 nhân khẩu; Chị không biết bị cáo dùng xe trên đi trộm, chị có yêu cầu được nhận lại tài sản trên để làm phương tiện mưu sinh.

Người làm chứng anh N T N, bà H T N, anh L P H, anh N V C và anh D A K trình bày như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; Hành vi của bị cáo P V H đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Vào khoảng 10 giờ ngày 15-01-2018, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.400.000đ loại tiền polime mệnh giá 100.000đ mỗi tờ. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông T, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân: Vào ngày 27-7-2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong án phạt ngày 07-01-2007. Lẽ ra, sau khi chấp hành án xong bị cáo phải biết ăn năn hối cải, trở thành người công dân tốt, ngược lại sau này bị cáo lại có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Điều này cho thấy bị cáo không hối cải.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trả lại tài sản do H lấy trộm cho bị hại ông T là số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) loại tiền polime mệnh giá 100.000đ mỗi tờ.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSCT-HS ngày 15-5-2018 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu nâu, số imel: 358063074491856; tiền Việt Nam: 786.000đ (bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng); 01 xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H thu giữ của bị cáo H.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSCT-HS ngày 15-5-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo P V H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Căn cứ: khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 (với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo; Bị cáo thuộc

thành phần nhân dân lao động nghèo, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế); Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo P V H mức án tù: 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

*Phần bồi thường dân sự: Bị hại ông T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

*Tang vật liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSCT-HS ngày 15-5-2018 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu nâu, số imel: 358063074491856; tiền Việt Nam: 786.000đ (bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng); 01 xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H thu giữ của bị cáo H.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu nâu, số imel: 358063074491856; tiền Việt Nam: 786.000đ (bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng) là tài sản của H không liên quan đến vụ án. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo H.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H là tài sản chung của bị cáo H và chị N T M H, dùng để chở thuê, là phương tiện mưu sinh duy nhất nuôi sống 10 nhân khẩu; Chị H không biết bị cáo dùng xe trên đi trộm, chị H có yêu cầu được nhận lại tài sản trên để làm phương tiện mưu sinh. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chị H.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhà ở ven sông, con đông, không việc làm ổn định. Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sửa đổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định: vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 15-01-2018, tại quán giải khát của bà P T M thuộc Tổ 10, ấp T N, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo P V H là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình đã thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt số tiền 2.400.000đ loại tiền polime mệnh giá 100.000đ mỗi tờ. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông T, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”...

như vậy, hành vi của bị cáo H đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại ông T với số tiền 2.400.000đ nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị. Song xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về nhân thân:* Vào ngày 27-7-2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong án phạt ngày 07-01-2007.

[7] *Về vật chứng liên quan đến vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSCT-HS ngày 15-5-2018 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu nâu, số imel: 358063074491856; tiền Việt Nam: 786.000đ (bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng); 01 xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H thu giữ của bị cáo H.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu nâu, số imel: 358063074491856; tiền Việt Nam: 786.000đ (bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng) là tài sản của H không liên quan đến vụ án. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo H.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H là tài sản chung của bị cáo H và chị N T M H, dùng để chở thuê, là phương tiện mưu sinh duy nhất nuôi sống 10 nhân khẩu; Chị H không biết bị cáo dùng xe trên đi trộm, chị H có yêu cầu được nhận lại tài sản trên để làm phương tiện mưu sinh. Căn cứ Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét trả lại chị H.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông Thông đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[9] *Án phí:* Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo P V H phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10] *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo P V H; Bị hại ông P V T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị N T M H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-6-2018).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: bị cáo P V H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt P V H 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào: Các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo P V H 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme màu nâu, số imel: 358063074491856; tiền Việt Nam: 786.000đ (bảy trăm tám mươi sáu ngàn đồng) là của bị cáo P V H theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSCT-HS ngày 15-5-2018.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị N T M H 01 xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 nhãn hiệu LISOHAKA, loại xe: Hai bánh, dung tích xi lanh: 107cm³, số khung: HO22LK052687, số máy: OFMH00052687 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67k1 – 090.32 mang tên P V H theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSCT-HS ngày 15-5-2018.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo P V H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo P V H; Bị hại ông P V T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị N T M H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-6-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà